

Báo cáo

**FDI NÔNG NGHIỆP 1988 - 2003  
VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỚI 2010**

*Trần Nam Bình  
Quản lý  
Văn phòng ISG*

**Hà Nội, tháng 4 năm 2004**

## I. Tình hình thu hút và thực hiện ĐTNN trong NN&PTNT thời kỳ 1998 - 2003

### 1. Tỷ trọng ĐTNN vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn thấp so với các ngành KTQD khác

Đến hết năm 2003, cả nước đã cấp giấy phép đầu tư cho 5.424 dự án ĐTNN với tổng vốn đăng ký 54,8 tỷ USD, trong đó có 4.376 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký 41 tỷ USD. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 66,9% về số dự án và 57,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ, chiếm 19,5% về số dự án và 35,8% về số vốn đầu tư đăng ký; **lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, chiếm 13,6% về số dự án và 7% về vốn đầu tư đăng ký** (Thống kê của Bộ KH&ĐT).

Trong giai đoạn 1998 - 2003, ngành NN&PTNT đã tiếp nhận 781 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 3,8 tỉ USD. Trong đó, 528 dự án đã đi vào thực hiện với tổng vốn thực hiện trên 1,75 tỉ USD. (Thống kê của Bộ NN&PTNT).

<b>FDI trong NN&amp;PTNT 1988 - 2003 (*)</b>				
<b>Năm</b>	<b>Vốn đăng ký (USD)</b>	<b>Vốn thực hiện (USD)</b>	<b>DA đăng ký</b>	<b>DA thực hiện</b>
1988	119,930,000	8,000,000	4	1
1989	120,965,020	11,201,969	19	6
1990	106,851,716	29,995,827	33	25
1991	176,140,152	86,674,092	34	29
1992	138,309,813	113,785,092	34	31
1993	460,692,299	168,167,901	48	37
1994	421,960,626	315,055,357	44	36
1995	634,363,904	442,676,069	59	52
1996	349,661,993	165,842,545	45	33
1997	352,618,859	139,046,562	43	30
1998	167,443,925	56,004,112	53	48
1999	150,212,470	85,802,918	64	58
2000	137,134,238	59,635,968	79	67
2001	214,284,037	53,371,938	78	51
2002	171,378,897	17,073,068	90	23
2003	112,649,020	1,000,000	54	1
<b>Tổng</b>	<b>3,834,596,969</b>	<b>1,753,333,418</b>	<b>781</b>	<b>528</b>
(*) Tính đến hết tháng 10/2003				

Bình quân mỗi năm ngành NN&PTNT thu hút gần **50 dự án** tương ứng khoảng **200 triệu USD**. Nhìn chung, các dự án FDI trong nông nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu gắn với nguồn nguyên liệu địa phương.

Năm 2003, các doanh nghiệp FDI trong ngành đang sử dụng khoảng 75.000 lao động công nghiệp và hàng vạn lao động nông nghiệp, nộp ngân sách trên 17 triệu USD, tạo ra **kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 500 triệu USD**.

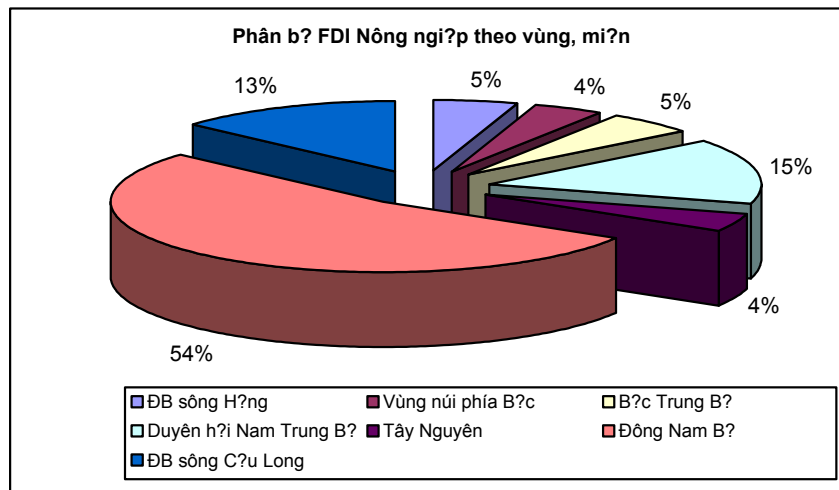
Tỉ lệ vốn đưa vào thực hiện bình quân khoảng 50% tổng số vốn đăng ký.

## 2. Phân bố ĐTNN không đồng đều giữa các vùng, miền

Cơ cấu vốn ĐTNN còn có một số bất hợp lý. Trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp mặc dù đã có những chính sách ưu đãi nhất định, nhưng ĐTNN còn quá thấp và tỷ trọng vốn ĐTNN đăng ký liên tục giảm.

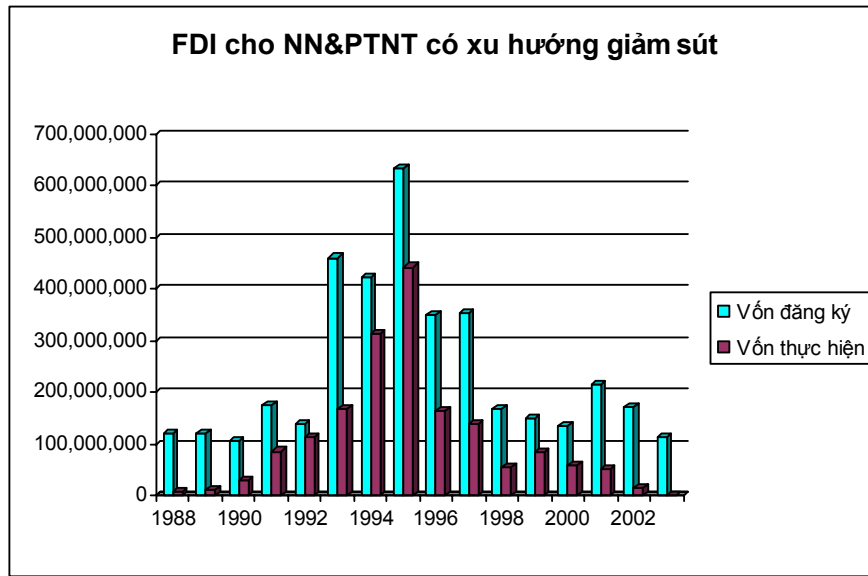
ĐTNN tập trung chủ yếu vào những địa phương có điều kiện thuận lợi như miền Đông Nam Bộ (54%), trong khi có tác động rất hạn chế đến khu vực miền núi phía Bắc (4%), đồng bằng sông Hồng (5%), Bắc Trung Bộ (5%), Tây Nguyên (4%) và đồng bằng sông Cửu Long (13%).

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một số ưu đãi của Chính phủ đã được quy định trong nghị định của Chính phủ như miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu 5 năm cho sản xuất đối với các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và các dự án đầu tư vào các địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, nhưng thiếu hướng dẫn nên chưa được áp dụng.



## 3. ĐTNN trong NN&PTNT có xu hướng giảm

ĐTNN vào lĩnh vực nông nghiệp có xu hướng giảm sút kể từ sau khủng hoảng tài chính châu Á và cho đến nay chưa có dấu hiệu hồi phục do điều kiện đầu tư vào nông nghiệp của Việt Nam chưa thực sự hấp dẫn.

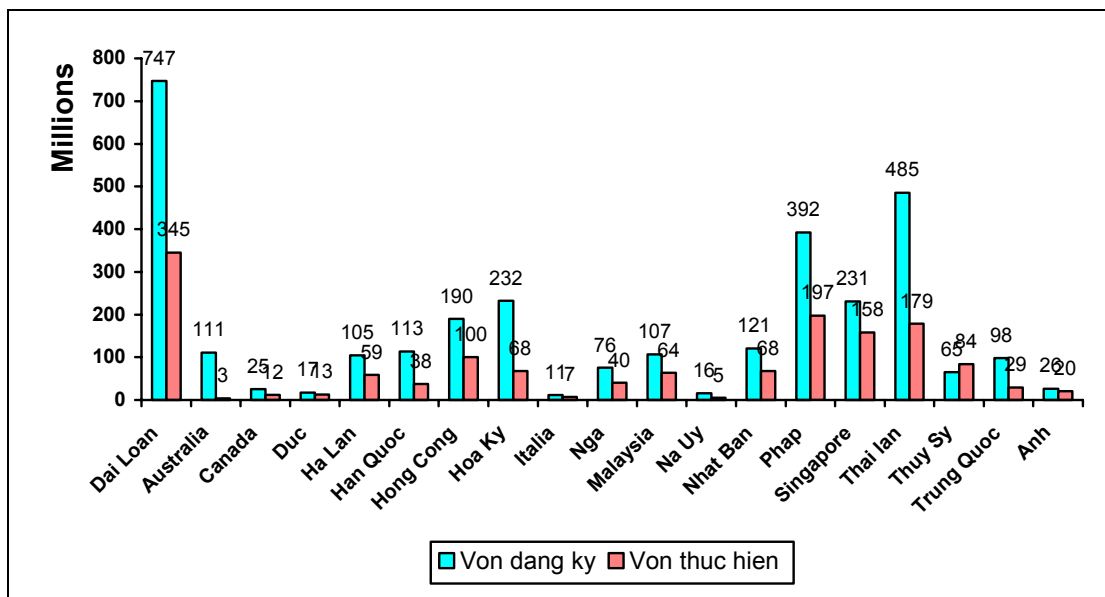


Số dự án bị giải thể trước thời gian, chuyển đổi hình thức đầu tư (20%) cao hơn so với tỷ lệ bình quân chung cả nước là (16%).

#### 4. Các cường quốc nông nghiệp chưa thực sự đầu tư vào NN&PTNT Việt Nam

Cho đến nay, có trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia đầu tư vào ngành nông nghiệp Việt Nam, chủ yếu là các quốc gia châu Á và trong khu vực.

Các cường quốc nông nghiệp như Hoa Kỳ, Canada, Australia, và các nước châu Âu (trừ Pháp) chưa thực sự đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam.



## 5. Một số nhận xét tóm tắt về tình hình FDI trong NN&PTNT thời gian qua

### Những đóng góp tích cực:

- Cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài tương đối **phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của ngành**, nguồn vốn được thu hút khá đồng đều vào các lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông, lâm sản, sản xuất mía đường, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy;
- Các dự án FDI đã góp phần tạo thêm năng lực sản xuất mới, công nghệ sản xuất tiên tiến, nâng cao tính cạnh tranh của hàng nông lâm sản. Các chương trình mía đường, trồng và chế biến rau quả, chương trình trồng rừng, chuyển giao công nghệ mới, tạo ra các loại giống cây trồng, giống vật nuôi và các sản phẩm chế biến đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- Tạo việc làm cho hàng vạn lao động công nghiệp (đến nay có khoảng 75.000 lao động công nghiệp đang làm việc tại các doanh nghiệp FDI của ngành), sản xuất nguyên liệu và các dịch vụ lao động cho công nghiệp chế biến, v.v... Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ngày càng trưởng thành, công nhân được nâng cao trình độ, tay nghề;

### Một số vấn đề cần được lưu ý:

- So với các ngành khác, tỉ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông, lâm nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và tầm quan trọng của ngành trong nền kinh tế quốc dân. Hiện tại, lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chỉ chiếm 13,6% về số dự án và 7% về vốn đầu tư đăng ký;
- Chưa có cơ quan của ngành xây dựng chiến lược thu hút và quy hoạch sử dụng nguồn vốn FDI trong phát triển nông nghiệp và nông thôn, kể cả việc theo dõi và giúp đỡ giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án;
- Cần chú trọng xây dựng hệ thống chính sách khuyến khích phát triển nông lâm sản theo hướng hiện đại nhằm mở rộng thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế, hoàn thiện các chính sách về sử dụng đất, thuế và các chế độ ưu đãi đầu tư, đặc biệt là đầu tư trong nông nghiệp và ở các vùng nông thôn;
- Cơ sở hạ tầng và tay nghề lao động ở khu vực nông thôn tuy đã được cải thiện nhiều nhờ thành tựu xóa đói giảm nghèo, song chưa đủ để hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài;
- Rủi ro khi đầu tư vào nông nghiệp và khu vực nông thôn cao hơn nhiều so với các ngành khác. Nông nghiệp Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn chủ yếu dựa vào sản phẩm nguyên liệu thô, thời gian đầu tư và thu hồi vốn dài, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thời tiết và thiên tai, đặc biệt là giá nguyên liệu thô trên thị trường thế giới luôn biến động bất lợi. Trong khi đó các nông sản có chất lượng tiêu dùng cao, nhãn hiệu nổi tiếng và hàm lượng giá trị gia tăng cao chưa được tạo dựng;

- Đa số dự án có qui mô nhỏ, phân bố không đồng đều giữa các vùng, miền trong nước.
- Chưa hình thành một cơ chế gắn kết thường xuyên giữa Bộ và địa phương (Tỉnh) để chọn lựa giới thiệu với các nhà đầu tư nước ngoài các dự án FDI ưu tiên trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Cần có chính sách thu hút đầu tư mạnh hơn nữa vào công nghệ chế biến nông lâm sản, bảo quản sau thu hoạch, tạo cây, con giống có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn chưa đủ năng lực để chủ động kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài theo ý đồ chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của riêng mình.

## II. Định hướng thu hút FDI trong NN&PTNT tới năm 2010

### 1. Mục tiêu phát triển của ngành tới năm 2010

- Xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá mạnh, phát triển đa dạng, bền vững và hiệu quả cao trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và áp dụng các công nghệ mới, công nghệ cao làm ra các sản phẩm có khả năng cạnh tranh khi gia nhập WTO, trước mắt là AFTA và BTA.
- Xây dựng nông thôn mới XHCN có cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ hợp lý, từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo công ăn việc làm cho người lao động ở nông thôn, tiến tới một nông thôn no đủ, dân chủ, công bằng và văn minh.

*(Chiến lược phát triển Nông nghiệp Nông thôn đến năm 2010)*

### 2. Vấn đề đặt ra cần giải quyết

Phải gắn kết các nguồn lực với nhau để tạo thành quả chung của đầu tư, không để phát triển riêng rẽ, đôi lúc triệt tiêu lẫn nhau như hiện nay:

1. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (kể cả trái phiếu chính phủ),
2. Nguồn vốn vay hoặc viện trợ không hoàn lại của nước ngoài do chính phủ tiến hành (thuộc sự quản lý của ngân sách nhà nước),
3. Nguồn vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong nước, trực tiếp và gián tiếp,
4. Nguồn vốn của các nhà đầu tư nước ngoài, trực tiếp (FDI) và gián tiếp (thông qua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp).

Sự kết hợp các nguồn lực nêu trên là đặc biệt quan trọng, bởi mỗi loại nguồn lực có một thế mạnh riêng. Trong đó, **FDI cần được khuyến khích thu hút cho mục tiêu tạo dựng một nền nông nghiệp hàng hoá mạnh, hiệu quả cao trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và áp dụng các công nghệ mới, công nghệ cao làm ra các sản phẩm có khả năng cạnh tranh khi tham gia hội nhập.**

Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn chính phủ vay của nước ngoài để **cải tạo đồng bộ cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn**, tạo đòn bẩy cho nông nghiệp hàng hoá phát triển trên cơ sở khuyến khích đầu tư tư nhân và cạnh tranh lành mạnh. Nguồn vốn này sẽ giữ vai trò quan trọng trong việc **khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới** trong giai đoạn đầu của chu kỳ sản xuất khi chưa có lợi nhuận.

Đồng thời, nguồn vốn đầu tư của các nhà đầu tư (doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân) trong nước sẽ làm nên sự **đa dạng phong phú và sức hấp dẫn** cho phần cung của thị trường nông sản Việt Nam.

### 3. Giải pháp thu hút và sử dụng hiệu quả FDI trong nông nghiệp

- Xây dựng chiến lược thu hút và quy hoạch sử dụng FDI cho ngành, đặc biệt là tăng cường tiếp xúc, giới thiệu cơ hội đầu tư, sản phẩm có khả năng phát triển của ngành với các nhà đầu tư nước ngoài;
- Cố định một đơn vị chịu trách nhiệm toàn bộ vấn đề FDI (từ tiếp xúc, hỗ trợ thủ tục, thống kê, theo dõi đánh giá và quản lý, giải quyết các vấn đề khi doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh);
- Đóng góp một cách có hệ thống cho Danh mục dự án gọi vốn đầu tư quốc gia, dựa trên chiến lược và quy hoạch kết hợp với đề xuất của địa phương (không chỉ dựa vào đề xuất của địa phương vì thiếu tính mục tiêu toàn cục) ...
- Sử dụng nguồn ODA để hỗ trợ khuyến khích dòng chảy FDI vào nông nghiệp và nông thôn (VD: thiết kế chiến lược và quy hoạch FDI cho ngành và hệ thống đánh giá tổng thể hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển; các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, các trường dạy nghề nông thôn; các chương trình hỗ trợ vận động xúc tiến đầu tư; các chương trình hỗ trợ phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam; các chương trình tạo dựng thị trường nông sản hiện đại, v.v...).

### III. Phụ lục: Danh mục các dự án FDI trong ngành NN&PTNT